

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ
TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN LAI VUNG**

(Kèm theo Bản công bố số: /TTYT-KHNV-DD, ngày 09 tháng 8 năm 2024,
của Trung tâm Y tế huyện Lai Vung)

ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SỸ

Đối tượng: Bác sỹ chưa được cấp giấy phép hành nghề.

1. Mục tiêu học tập

1.1. Yêu cầu về kiến thức

- 1.1.1. Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng vào giải quyết các vấn đề về sức khỏe, các bệnh lý thường gặp ở người bệnh (bao gồm chẩn đoán và lọc bệnh ban đầu để xử lý hoặc chuyển tuyến phù hợp và kịp thời; điều trị; chăm sóc; phòng ngừa).
- 1.1.2. Áp dụng được y học dựa trên chứng cứ trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.

1.2. Yêu cầu về kỹ năng

- 1.2.1. Hỏi bệnh, khám, tổng hợp và diễn giải thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để đưa ra chẩn đoán (chẩn đoán ban đầu, chẩn đoán phân biệt và chẩn đoán xác định) các bệnh lý thường gặp.
- 1.2.2. Lập kế hoạch điều trị, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh.
- 1.2.3. Thực hiện được sơ cấp cứu và điều trị bệnh phù hợp với vai trò, chức năng bác sỹ đa khoa, đảm bảo quy định kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh.
- 1.2.4. Giao tiếp và phối hợp hiệu quả với người bệnh và người thân, đồng nghiệp và cộng đồng.
- 1.2.5. Thực hiện tổ chức, quản lý và duy trì môi trường làm việc chuyên môn một cách an toàn và hiệu quả.

1.3. Yêu cầu về thái độ

- 1.3.1. Tuân thủ các quy định pháp lý và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh.
- 1.3.2. Tôn trọng và thấu cảm với người bệnh và thân nhân người bệnh.
- 1.3.3. Tự phản ánh, nhận ra điểm mạnh và điểm yếu của bản thân để học hỏi liên tục.
- 1.3.4. Khiêm tốn và sẵn sàng tiếp nhận phản hồi từ đồng nghiệp và người bệnh để cải thiện bản thân.
- 1.3.5. Thực báo cáo những sai sót của bản thân và của hệ thống y tế trong thực hành nghề nghiệp.

2. Khung chương trình thực hành 12 tháng y khoa

Tổng thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh của bác sỹ là 12 tháng theo quy định của Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, được phân bổ như sau:

Chuyên khoa	Khoa thực hành	Thời gian	Ghi chú
2.1. Đối với Bác sỹ y khoa			
Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực & Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	3 tháng (480 tiết)	
Ngoại khoa	Khoa Ngoại tổng hợp	2 tháng (320 tiết)	

Sản phụ khoa	Khoa Sản	2 tháng (320 tiết)	
Nhi khoa	Khoa Nhi	2 tháng (320 tiết)	
2.2. Đối với Bác sỹ y học cổ truyền			
Hồi sức và cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực & Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Chuyên khoa	Khoa Y học cổ truyền VLTL-PHCN	9 tháng (1440 tiết)	
2.3. Đối với Bác sỹ răng hàm mặt			
Hồi sức và cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực & Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Chuyên khoa	Tổ Nha thuộc Khoa Khám Bệnh	9 tháng (1440 tiết)	
2.4. Đối với Bác sỹ y học dự phòng			
Hồi sức và cấp cứu	Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực & Chống độc	3 tháng (480 tiết)	Bắt buộc
Nội khoa	Khoa Nội tổng hợp	3 tháng (480 tiết)	
Ngoại – Sản – Nhi	Khoa Nội – Ngoại – Sản	3 tháng (480 tiết)	
Dự phòng	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS	3 tháng (480 tiết)	

***** Lưu ý:**

- Học viên sẽ được kiểm tra, đánh giá kỹ năng khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành hàng ngày và sau khi kết thúc thực hành mỗi chuyên khoa.
- Lịch thực hành của học viên sẽ do phòng chuyên môn Trung tâm sắp xếp để phân bổ số lượng học viên hợp lý tại các khoa cùng một thời điểm.
- Học viên thực hành luân phiên, tập trung, toàn thời gian thực hành tại các khoa.
- Tại mỗi khoa, học viên tham gia thực hành và trực theo quy định của TTYT.
- Học viên phải tham dự >90% tổng thời lượng chương trình.
- Trường hợp phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe hoặc vì các lý do bất khả kháng khác, người thực hành được hướng dẫn thực hiện thủ tục xin bảo lưu kết quả thực hành (theo quy định Điều 4 Nghị định 96/2023/CP-NĐ).

3. Nội dung và phương pháp giảng dạy

3.1. Lý thuyết

CHUYÊN KHOA	CHỦ ĐỀ
Hồi sức cấp cứu	1. Cấp cứu ngưng tuần hoàn, hô hấp 2. Cấp cứu dị vật đường thở 3. Cấp cứu người bệnh tự sát 4. Phân loại bệnh: Nhận biết các dấu hiệu nặng của bệnh và lọc bệnh cấp cứu 5. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí các bệnh cấp cứu: Suy hô hấp; Rối loạn tri giác; Sốc; Co giật; Đau bụng cấp; Đau ngực cấp; Ngộ độc, tai nạn (rắn cắn, ong đốt, ngạt nước, điện giật)... 6. Tiếp cận chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân bỏng 7. Tiếp cận chẩn đoán và xử trí bệnh ngoại khoa: chấn thương, bụng ngoại khoa 8. Các xử trí cơ bản bệnh nhân cấp cứu tại tuyến cơ sở
	1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tim mạch: Tăng huyết áp; Bệnh lý mạch vành; Suy tim; Rối loạn nhịp tim; Bệnh lý van tim. 2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tiêu hóa: Xơ

Nội khoa	gan; Loét dạ dày tá tràng; Viêm tụy cấp; Xuất huyết tiêu hóa do loét dạ dày tá tràng; Xuất huyết tiêu hóa dưới; Viêm dạ dày HP (+); Tiêu chảy; Trào ngược dạ dày- thực quản 3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội hô hấp: Bệnh lý viêm nhiễm đường hô hấp trên và dưới; Giãn phế quản; Ho ra máu; Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính; Hen phế quản. 4. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội thần kinh: Động kinh; Đột quỵ thiếu máu não; Bệnh lý thần kinh ngoại vi. 5. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Nội tiết thận: Đái tháo đường; Hội chứng thận hư, Nhiễm trùng tiểu; Hạ đường huyết; Viêm cầu thận cấp; Bệnh lý tuyến giáp (bao gồm Basedow, Suy giáp...); bệnh lý tuyến thượng thận 6. Chẩn đoán và điều trị bệnh truyền nhiễm: Sốt xuất huyết, Bệnh Tay chân miệng, Nhiễm khuẩn huyết, Viêm gan...
Ngoại khoa	1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại tổng quát: Mô bướu, vết thương phần mềm 2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại thần kinh: chấn thương đầu, chấn thương cột sống và chấn thương thần kinh ngoại biên... 3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Ngoại niệu: Sỏi niệu, Bướu tiền liệt tuyến, nhiễm khuẩn đường tiết niệu và cấp cứu niệu khoa, điều trị chấn thương hệ niệu.
Sản phụ khoa	1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Sản khoa: Quản lý thai kỳ-thực hiện khám thai đầy đủ 9 bước; Phân loại thai kỳ nguy cơ cao; Theo dõi chuyển dạ sinh thường; Chẩn đoán chuyển dạ bất thường; Phòng ngừa các tai biến sản khoa thường gặp (Băng huyết sau sinh; Tiền sản giật-sản giật; Võ tử cung; Nhiễm khuẩn hậu sản, hậu phẫu...); Đỡ sanh thường Sản phụ ngôi chỏm; Cắt may tầng sinh môn; Hồi sức sơ sinh ban đầu. 2. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân Phụ khoa- Kế hoạch hóa gia đình; Xuất huyết tử cung bất thường (AUB); Sảy thai; U xơ tử cung; U buồng trứng; Viêm sinh dục; Tầm soát và phát hiện sớm ung thư cổ tử cung; Phá thai nội khoa; Thai ngoài tử cung; Viêm vùng chậu, áp xe phần phụ; Tư vấn các phương pháp ngừa thai; Khám và tầm soát ung thư vú.
Nhi khoa	1. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhi: Viêm hô hấp trên; Viêm tiểu phế quản; Viêm phổi; Hen phế quản 2. Khám, đánh giá và phân loại trẻ sơ sinh; Vàng da sơ sinh; Sơ sinh non tháng; Nhiễm trùng sơ sinh; Suy hô hấp ở trẻ sơ sinh 3. Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhi: Sốt xuất huyết; Bệnh tay chân miệng; Quai bị; Thủy đậu 4. Lọc bệnh cấp cứu trẻ em 5. Các bệnh lý tiêu hóa thường gặp 6. Tiếp cận chẩn đoán xử trí bệnh tim bẩm sinh, suy tim
Răng hàm mặt	Chẩn đoán, điều trị và chăm sóc bệnh nhân có bệnh lý về Răng hàm mặt: Nhổ răng, trám răng, viêm nướu, nha chu viêm, rối loạn khớp thái dương-hàm, các bệnh lý thường gặp ở vùng Răng hàm mặt
Y học cổ truyền và Phục hồi chức	Điều trị và chăm sóc bệnh nhân bằng phương pháp y học cổ truyền: Điện châm và xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vai gáy,

năng	liệt nửa người do tai biến mạch máu não, liệt dây thần kinh số VII ngoại biên, viêm quanh khớp vai... Điều trị và chăm sóc bệnh nhân bằng phục hồi chức năng: Tập vận động; thụ động, trợ giúp, đề kháng; Tập bất lý trị liệu hô hấp; Tập vật lý trị liệu chỉnh hình; Hoạt động trị liệu; Điện trị liệu
Y học dự phòng	Khám sàng lọc tiêu chuẩn Tiếp nhận và xử trí các ổ dịch lớn, nhỏ trong cộng đồng Quản lý các chương trình phòng chống dịch bệnh: lao, phong, HIV... Quản lý, giám sát, chăm sóc sức khỏe cộng đồng Tư vấn sức khỏe, dinh dưỡng Truyền thông giáo dục sức khỏe

Phương pháp dạy học: Người thực hành xem bài lý thuyết trước, sau đó sẽ trao đổi với người hướng dẫn trong lúc đi thăm khám lâm sàng, tạo điều kiện gắn lý thuyết với thực hành lâm sàng.

Lồng ghép hướng dẫn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; đạo đức hành nghề, ứng xử người hành nghề... (*phụ lục 1*).

3.2. Thực hành

Người thực hành đi luân phiên các chuyên khoa: Hồi sức cấp cứu; Nội; Ngoại; Sản phụ khoa; Nhi; Răng Hàm Mặt; Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tùy theo chức danh. Trưởng phòng phân công:

- Phân công người thực hành phụ trách một số giường bệnh để theo dõi. Người thực hành báo cáo ca bệnh mỗi ngày tại giường bệnh cho bác sỹ hướng dẫn thực hành phụ trách người bệnh. Bác sỹ điều trị sẽ giảng dạy lý thuyết, kinh nghiệm lâm sàng và phản hồi tại giường bệnh mỗi ngày.
- Bác sỹ hướng dẫn thực hành của khoa theo dõi quá trình học tập của người thực hành.
- Người thực hành tham gia trực theo quy định tại Bệnh viện trong suốt thời gian học.
- Người thực hành thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong mục tiêu học tập, trên các bệnh lý và các thủ thuật cơ bản đã nêu ra ở trên theo yêu cầu và dưới sự giám sát của bác sỹ hướng dẫn thực hành.

Bảng 1: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ Y khoa, Bác sỹ Y học dự phòng

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỈ TIÊU	Ghi chú
1	Thở oxy	10	
2	Kỹ thuật phun khí dung	2	
3	Kỹ thuật sử dụng bình hít định liều có hoặc không kèm buồng đệm	2	
4	Đặt nội khí quản	1	
5	Băng ép, garo cầm máu	2	
6	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	2	
7	Bất động cột sống cổ bằng nẹp cứng	2	
8	Vận chuyển người bệnh an toàn	2	
9	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	1	
10	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	1	
11	Chọc dò dịch màng phổi, chọc hút khí màng	1	

	phổi		
12	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	5	
13	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	1	
14	Cắt và khâu tầng sinh môn	1	
15	Khám thai	5	
16	Bóc nang tuyến Bartholin	1	
17	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	1	
18	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	1	
19	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	2	
20	Khám phụ khoa	5	
21	Làm thuốc âm đạo	5	
22	Theo dõi nhịp tim thai và cơn gò tử cung bằng monitor sản khoa	1	
23	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	2	
24	Kiểm soát tử cung	5	
25	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	1	
26	Khám sơ sinh	2	
27	Chăm sóc rốn sơ sinh	2	
28	Khâu vết thương phần mềm dài <10cm và >10 cm	1	
29	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	1	
30	Băng bó vết thương	5	
31	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	5	
32	Sơ cứu bong đường hô hấp	1	
33	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	1	
34	Đặt ống thông dạ dày	1	
35	Rửa dạ dày cấp cứu	1	
36	Thụt tháo	2	
37	Thông tiểu	2	
38	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	2	
39	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	2	
40	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	2	
41	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm insulin	2	
42	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	1	
43	Sơ cứu vết thương vùng hàm mặt	1	
44	Cấp cứu bong mắt ban đầu	1	
45	Cầm máu mũi bằng merocel	1	
46	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	1	
47	Khám nam khoa	2	
48	Cắt chỉ khâu da	5	
49	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	1	
50	Cấp cứu người bệnh tự sát	1	
51	Xử trí người bệnh kích động	1	
52	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần	1	

53	Xử trí trạng thái sảng rượu	1	
54	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	1	
55	Cắt chỉ sau phẫu thuật	5	
56	Băng bó vết thương	5	
57	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	1	
58	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	2	
59	Test dưới da với thuốc	5	
60	Thay băng vết mổ	5	
61	Thay băng, cắt chỉ	5	
62	Theo dõi độ bão hòa oxy (SPO2)	5	
63	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	5	
64	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	5	
65	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	5	
66	Tiêm bắp thịt	5	
67	Tiêm dưới da	5	
68	Tiêm trong da	5	
69	Tiêm truyền thuốc	5	
70	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật	10	
71	Truyền dịch thường quy	5	
72	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	10	
73	Xoa bóp đầu mặt cổ, vai gáy, tay	10	
74	Xoa bóp lưng, chân	10	
75	Xử lý tại chỗ kỹ đầu tổn thương bỏng	5	

Bảng 2: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ Răng hàm mặt

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỈ TIÊU	Ghi chú
	A. RĂNG		
1	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	1	
2	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	1	
3	Chích áp xe lợi	10	
4	Lấy cao răng	10	
5	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	10	
6	Điều trị tủy lại	2	
7	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng	10	
8	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	10	
9	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement	10	
10	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement	10	
11	Phục hồi cổ răng bằng Composite	10	
12	Mài chỉnh khớp cắn	10	
13	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	10	
14	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	5	Phụ mổ

15	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	10	
16	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	10	
17	Nhổ răng vĩnh viễn	50	
18	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	50	
19	Nhổ chân răng vĩnh viễn	50	
20	Nhổ răng thừa	20	
21	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	5	
22	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	5	
23	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement	5	
24	Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement	5	
25	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	5	
26	Điều trị tủy răng sữa	5	
27	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement	5	
28	Nhổ răng sữa	20	
29	Nhổ chân răng sữa	20	
30	Chích áp xe lợi trẻ em	10	
	B. HÀM MẶT		
31	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	3	
32	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	5	
33	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	5	
34	Nắn sai khớp thái dương hàm	2	
35	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	2	

Bảng 3: Danh mục kỹ thuật chuyên môn áp dụng cho Bác sỹ Y học cổ truyền

STT	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỈ TIÊU	Ghi chú
1	Hào châm	10	
2	Điện châm	10	
3	Thủy châm	5	
4	Cây chỉ	5	
5	Hào châm điều trị liệt nửa người sau đột quỵ	5	
6	Điện châm điều trị liệt nửa người sau đột quỵ	10	
7	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	5	
8	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	5	
9	Hào châm điều trị đau thần kinh tọa	5	
10	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	10	
11	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	5	
12	Cây chỉ điều trị đau thần kinh tọa	5	
13	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	5	
14	Điện châm điều trị thoái hóa cột sống	10	
15	Thủy châm điều trị thoái hóa cột sống	5	
16	Cây chỉ hỗ trợ điều trị thoái hóa cột sống	5	
17	Cây chỉ hỗ trợ điều trị thoái hóa cột sống	5	
18	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa cột sống	5	

19	Điện châm điều trị liệt VII ngoại biên	5	
20	Hào châm điều trị liệt VII ngoại biên	5	
21	Thủy châm điều trị liệt VII ngoại biên	5	
22	Cây chỉ điều trị liệt VII ngoại biên	5	
23	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt VII ngoại biên	5	
24	Điện châm điều trị tăng huyết áp	5	
25	Hào châm điều trị tăng huyết áp	5	
26	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	5	
27	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	5	
28	Hào châm điều trị đau do thoái hóa khớp	5	
29	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	5	
30	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	5	
31	Xoa bóp điều trị đau do thoái hóa khớp	5	
32	Điện châm điều trị hội chứng cánh tay cổ	5	
33	Cây chỉ điều trị hội chứng cánh tay cổ	5	
34	Thủy châm điều trị hội chứng cánh tay cổ	5	
35	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng cánh tay cổ	5	
36	Xoa bóp bấm huyệt	5	

3.3. Đánh giá kỹ năng (phụ lục 2)

4. Lượng giá người thực hành

4.1. Điều kiện thi kết thúc thời gian thực hành: Khi đạt đủ 2 điều kiện sau:

- Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và đi thực hành đầy đủ (mỗi khoa chỉ được phép vắng 1 buổi với lý do phù hợp)
- Đạt trên 70% chỉ tiêu danh mục chỉ tiêu đề ra.

4.2. Thi lượng giá kết thúc thực hành: Bốc thăm và tiến hành thăm khám, phân tích trực tiếp 01 bệnh nhân tại khoa (vừa đánh giá lý thuyết vừa đánh giá thực hành dựa trên kỹ năng) (phụ lục 2).

4.3. Điều kiện hoàn thành thời gian thực hành: Kết quả thi lượng giá kết thúc thực hành ≥ 5 điểm.

5. Tài liệu tham khảo

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023
- Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 1678/QQĐ-SYT của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 15 tháng 3 năm 2024.
- Chương trình thực hành 12 tháng để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh bác sỹ y khoa của Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh (Tài liệu "Hội nghị tập huấn trực tuyến Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản quy định chi tiết của Luật Khám bệnh, chữa bệnh" do Cục quản lý khám, chữa bệnh tổ chức theo Giấy mời số 224/GM-KCB ngày 17/06/2024).

PHỤ LỤC 1

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH; ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ; ỨNG XỬ NGƯỜI HÀNH NGHỀ

STT	NỘI DUNG
I	Những quy định của pháp luật trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
Bài 1	Giới thiệu tổ chức, quy định Trung tâm; chương trình thực hành, phương pháp học thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đối với bác sỹ y khoa.
Bài 2	Quy chế chuyên môn: quy chế cấp cứu, chẩn đoán và làm hồ sơ bệnh án; quy chế sử dụng thuốc; quy chế hội chẩn; quy chế kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú và nội trú; quy chế an toàn chuyển viện...
Bài 3	Quy định về bảo hiểm y tế
Bài 4	Các văn bản pháp lý liên quan đến công tác hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
Bài 5	Quy trình báo động đỏ nội viện, liên viện
II	Các kỹ năng cơ bản trong khám bệnh, chữa bệnh
Bài 6	Kỹ năng giao tiếp hiệu quả: - Văn hóa ứng xử trong thực hành chăm sóc sức khỏe, - Quản lý cảm xúc; - Thực hành tình huống (đóng vai).
Bài 7	Kỹ năng tự đào tạo
Bài 8	Y học chứng cứ
Bài 9	An toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa
Bài 10	Kiểm soát nhiễm khuẩn
Bài 11	Tham vấn tâm chủng

PHỤ LỤC 2

ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG

STT	KỸ NĂNG	MỨC ĐỘ KHI HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH				
1	Hỏi bệnh sử và khám thực thể					
1.1	Thu thập bệnh sử đầy đủ, chính xác và sắp xếp theo trình tự thời gian, tổng trường hợp có cấp cứu phải hỏi ngắn gọn, đúng trọng tâm	1	2	3	4	5
1.2	Chọn lọc được các thông tin giá trị	1	2	3	4	5
1.3	Sử dụng được ngôn ngữ vùng miền trong hỏi bệnh sử	1	2	3	4	5
1.4	Khám đầy đủ, chính xác, phù hợp với lý do đi khám theo trình tự hợp lý	1	2	3	4	5
1.5	Phát hiện những dấu hiệu bất thường khi khám và mô tả, ghi nhận trong hồ sơ	1	2	3	4	5
1.6	Đảm bảo an toàn, tạo sự thoải mái và tôn trọng riêng tư của người bệnh trong lúc khám	1	2	3	4	5
2	Chẩn đoán và chẩn đoán phân biệt					
2.1	Tổng hợp thông tin từ bệnh sử, khám thực thể, hồ sơ từ tuyến trước (nếu có) để đưa ra chẩn đoán ban đầu	1	2	3	4	5
2.2	Chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt dựa trên kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, biện luận lâm sàng	1	2	3	4	5
2.3	Giải thích cho người bệnh và hội chẩn với đồng nghiệp trong trường hợp các chẩn đoán ban đầu chưa rõ ràng	1	2	3	4	5
3	Chỉ định và phân tích kết quả xét nghiệm hỗ trợ chẩn đoán					
3.1	Chỉ định các xét nghiệm phù hợp và giải thích được lý do	1	2	3	4	5
3.2	Cân nhắc chi phí, hiệu quả trong chỉ định xét nghiệm và thông tin cho người bệnh biết chi phí xét nghiệm	1	2	3	4	5
3.3	Giải thích kết quả và giá trị của các xét nghiệm (tình huống khẩn cấp và không khẩn cấp)	1	2	3	4	5
4	Kê đơn thuốc					
4.1	Kê đơn phù hợp với quy chế kê đơn của Bộ Y tế	1	2	3	4	5
4.2	Kê đơn theo phác đồ hiện hành	1	2	3	4	5
4.3	Nhận biết và sử dụng được các nguồn thông tin để kê đơn an toàn	1	2	3	4	5
5	Ghi chép hồ sơ bệnh án					
5.1	Ghi thông tin người bệnh chính xác, đúng thời điểm thăm khám và dễ đọc	1	2	3	4	5

5.2	Tuân thủ quy chế hồ sơ bệnh án	1	2	3	4	5
5.3	Ghi chính xác các dữ liệu trong việc ra quyết định chẩn đoán và điều trị (dấu hiệu diễn tiến lâm sàng và cận lâm sàng, ý kiến chuyên gia, mong muốn của người bệnh, người nhà)	1	2	3	4	5
6	Báo cáo tình trạng của người bệnh					
6.1	Báo cáo thông tin đã thu thập, chỉ ra thông tin nào xác thực và thông tin nào chưa chắc chắn.	1	2	3	4	5
6.2	Báo cáo bằng lời ngắn gọn, chính xác và mạch lạc	1	2	3	4	5
6.3	Đảm bảo người trình bày và người nghe đều hiểu như nhau về tình trạng của người bệnh	1	2	3	4	5
7	Truy cập và sử dụng tài liệu y học chứng cứ					
7.1	Sử dụng công nghệ thông tin truy cập tài liệu có giá trị và tin cậy dựa vào y học chứng cứ	1	2	3	4	5
7.2	Lý luận và áp dụng nguồn thông tin tin cậy truy cập được vào chăm sóc và điều trị người bệnh	1	2	3	4	5
7.3	Trao đổi với đồng nghiệp tổng nhóm chăm sóc và thân nhân về nguồn thông tin truy cập được để thống nhất trong quá trình điều trị	1	2	3	4	5
8	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh					
8.1	Bàn giao trực tiếp, bàn giao trên hồ sơ những diễn biến mới nhất của người bệnh	1	2	3	4	5
8.2	Tóm tắt ngắn gọn mức độ nặng của người bệnh, những vấn đề cần lưu ý, kế hoạch xử trí	1	2	3	4	5
8.3	Trao đổi, đặt câu hỏi làm rõ thông tin được bàn giao	1	2	3	4	5
9	Làm việc nhóm					
9.1	Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mỗi thành viên đối với mỗi nhiệm vụ	1	2	3	4	5
9.2	Trao đổi với thái độ tôn trọng, tự trọng, trung thực, tạo điều kiện để thành viên nhóm tham gia trao đổi thông tin	1	2	3	4	5
9.3	Biết lắng nghe khi trao đổi với các thành viên nhóm	1	2	3	4	5
9.4	Điều chỉnh nội dung và cách diễn đạt để phù hợp với từng thành viên nhóm	1	2	3	4	5
9.5	Hiểu rõ vai trò, giới hạn của bản thân và tìm trợ giúp từ những thành viên khác nhằm tối ưu hóa việc chăm sóc sức khỏe người bệnh	1	2	3	4	5

9.6	Sẵn sàng giúp đỡ khi đồng nghiệp cần	1	2	3	4	5
9.7	Đặt mục tiêu chăm sóc người bệnh của nhóm lên cao nhất	1	2	3	4	5
10	Nhận biết các tình huống cấp cứu, đánh giá và xử trí ban đầu					
10.1	Xác định được tình trạng cấp cứu người bệnh	1	2	3	4	5
10.2	Xác định các nguyên nhân có thể gây ra tình trạng nặng của người bệnh	1	2	3	4	5
10.3	Hồi sức cơ bản thành thạo	1	2	3	4	5
11	Giải thích, tư vấn, để tạo sự đồng thuận của người bệnh hoặc người thân trước khi làm xét nghiệm, thủ thuật, phẫu thuật					
11.1	Hiểu rõ chỉ định, lợi ích, rủi ro, nguy cơ biến chứng và lựa chọn thay thế của thủ thuật	1	2	3	4	5
11.2	Thông tin cho người bệnh và gia đình, đảm bảo họ hiểu rõ chỉ định, lợi ích, rủi ro, nguy cơ biến chứng và lựa chọn thay thế	1	2	3	4	5
11.3	Ghi lại các thảo luận và lưu giữ giấy cam kết đồng thuận tổng hồ sơ bệnh án	1	2	3	4	5
12	Thực hiện thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong các chuyên khoa cơ bản					
12.1	Thực hiện được các thủ thuật, kỹ thuật cơ bản	1	2	3	4	5
12.2	Giải thích cho người bệnh và thân nhân trước và sau khi tiến hành các thủ thuật, kỹ thuật kể trên	1	2	3	4	5
13	Phát hiện lỗi cá nhân và hệ thống, giúp cải thiện an toàn trong chăm sóc người bệnh					
13.1	Phát hiện được sai sót trong hệ thống y tế (sự cố y khoa và lỗi tiềm ẩn)	1	2	3	4	5
13.2	Dám nói khi thấy có sai sót hoặc lỗi tiềm ẩn	1	2	3	4	5
13.3	Biết nhận ra sai sót của bản thân và có kế hoạch cải tiến.	1	2	3	4	5

Ghi chú:

- (1) Rất kém
- (2) Kém
- (3) Trung bình
- (4) Tốt
- (5) Rất tốt